

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

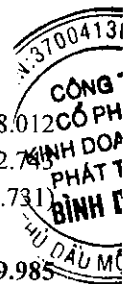
(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.466.445.981.422</b>	<b>1.416.687.365.828</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>14.797.797.114</b>	<b>19.207.428.717</b>
1. Tiền	111	V.1	14.297.797.114	18.707.428.717
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b	500.000.000	500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2a</b>	<b>2.732.366.700</b>	<b>2.732.366.700</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.893.028.550	4.893.028.550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(2.160.661.850)	(2.160.661.850)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>768.730.870.025</b>	<b>723.400.995.850</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	590.577.855.860	557.620.676.278
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.580.954.543	14.331.649.832
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		152.955.050.598	142.673.072.406
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	22.582.712.276	15.741.300.586
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6.965.703.252)	(6.965.703.252)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>494.982.480.276</b>	<b>491.328.407.882</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	494.982.480.276	491.328.407.882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>185.202.467.307</b>	<b>180.018.166.679</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	3.735.782.872	3.735.782.872
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		176.301.769.978	174.833.428.254
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		5.164.914.457	1.448.955.553
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

1  
M.S.C

<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.593.952.475.722</b>	<b>4.606.404.481.568</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>631.377.563.935</b>	<b>695.559.797.709</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	624.988.881.127	689.398.717.164
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	6.388.682.808	6.161.080.545
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.595.358.704</b>	<b>36.068.785.895</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	28.996.637.553	29.427.907.883
- Nguyên giá	222		49.075.592.283	45.969.990.509
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.078.954.730)	(16.542.082.626)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	6.598.721.151	6.640.878.012
- Nguyên giá	228		7.821.692.743	7.821.692.743
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.222.971.592)	(1.180.814.731)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>-</b>	<b>1.374.519.985</b>
- Nguyên giá	231		-	2.409.271.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	(1.034.751.015)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7</b>	<b>3.756.883.226.259</b>	<b>3.699.159.054.079</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3.747.544.974.012	3.688.908.218.132
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.338.252.247	10.250.835.947
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2c</b>	<b>169.839.913.966</b>	<b>169.839.913.966</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		114.370.000.000	114.370.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.635.910.000	16.635.910.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.460.000.000	53.460.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(14.625.996.034)	(14.625.996.034)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>256.412.858</b>	<b>4.402.409.934</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	79.452.158	4.225.449.234
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	176.960.700	176.960.700
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6.060.398.457.144</b>	<b>6.023.091.847.396</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.959.117.154.574</b>	<b>4.904.706.770.127</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.793.292.137.945</b>	<b>2.706.348.324.460</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	1.726.281.755.463	1.740.600.268.357
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		378.135.149.238	339.682.050.806
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14		23.724.343.783
4. Phải trả người lao động	314		1.569.928.516	1.628.916.773
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	61.390.126.028	16.262.207.546
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	9.055.719.109	7.633.159.312
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 12	620.706.316.479	576.489.277.917
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	328.099.969	328.099.969
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(4.174.956.857)	
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.165.825.016.629</b>	<b>2.198.358.445.667</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	891.168.482.217	891.168.482.217
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15b	572.599.232.438	575.555.765.258
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	2.471.612.042	2.678.849.264
7. Phải trả dài hạn khác	337		191.099.700.942	234.030.597.007
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 12,18	508.485.988.990	494.924.751.921
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			



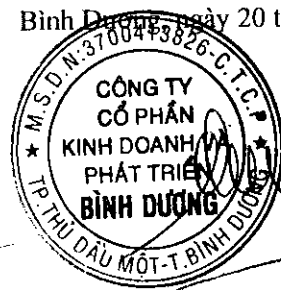
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.101.281.302.570</b>	<b>1.118.385.077.269</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>1.101.281.302.570</b>	<b>1.118.385.077.269</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	1.841.123.840	1.841.123.840
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	4.640.739.814	4.640.739.814
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	41.869.524.647	41.869.524.647
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	52.929.914.269	70.033.688.968
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	70.033.688.968	70.033.688.968
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(17.103.774.699)	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>6.060.398.457.144</b>	<b>6.023.091.847.396</b>



Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2015

**Huỳnh Thị Ánh Tuyết**  
Người lập biểu

**Nguyễn Thị Tuyết Nga**  
TUQ. Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Thuận**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27 Lối Đờng Đờng Khởi Hòa Phú TP TDM BD

**BAO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG**

Quý I - năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Mẫu số B02-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẠN PHÒNG**

Quý I - Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý n ày	Năm nay	Năm trước
		Năm nay	Năm trước			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01] VI.1	190.567.902.649	154.161.690.152	190.567.902.649	154.161.690.152	154.161.690.152
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	[02] VI.2	10.711.217.671	102.235.582.312	10.711.217.671	102.235.582.312	102.235.582.312
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	[10]	179.856.684.978	51.926.107.840	179.856.684.978	51.926.107.840	51.926.107.840
4. Giá vốn hàng bán	[11] VI.3	173.359.789.181	48.569.605.064	173.359.789.181	48.569.605.064	48.569.605.064
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	[20]	6.496.895.797	3.356.502.776	6.496.895.797	3.356.502.776	3.356.502.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	[21] VI.4	444.720.658	722.832.070	444.720.658	722.832.070	722.832.070
7. Chi phí tài chính	[22] VI.5	13.214.315.939	6.219.470.486	13.214.315.939	6.219.470.486	6.219.470.486
- Trong đó: Chi phí lãi vay	[23]	12.844.879.934	6.211.639.805	12.844.879.934	6.211.639.805	6.211.639.805
8. Chi phí bán hàng	[25] VI.8a	7.552.643.906	17.213.110.851	7.552.643.906	17.213.110.851	17.213.110.851
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	[26] VI.8b	4.392.130.132	6.000.422.991	4.392.130.132	6.000.422.991	6.000.422.991
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	[30]	(18.217.473.522)	(25.353.669.482)	(18.217.473.522)	(25.353.669.482)	(25.353.669.482)
11. Thu nhập khác	[31] VI.6	2.890.732.251	8.834.252.341	2.890.732.251	8.834.252.341	8.834.252.341
12. Chi phí khác	[32] VI.7	1.777.033.428	1.059.648.825	1.777.033.428	1.059.648.825	1.059.648.825
13. Lợi nhuận khác	[40]	1.113.698.823	7.774.603.516	1.113.698.823	7.774.603.516	7.774.603.516
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	[50]	(17.103.774.699)	(17.579.065.966)	(17.103.774.699)	(17.579.065.966)	(17.579.065.966)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[51]					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[52]					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	[60]	(17.103.774.699)	(17.579.065.966)	(17.103.774.699)	(17.579.065.966)	(17.579.065.966)



Quý I Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

Mã Thuyết  
số minh

Chi tiêu

Năm nay Năm nay Năm trước Năm trước

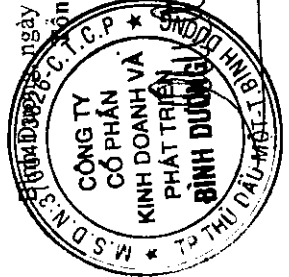
[70]

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

[71]

19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Ngày 20 tháng 04 năm 2015  
Tổng Giám đốc



TUQ. Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Nga

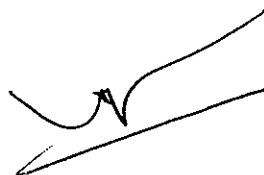
Huỳnh Thị Anh Tuyết



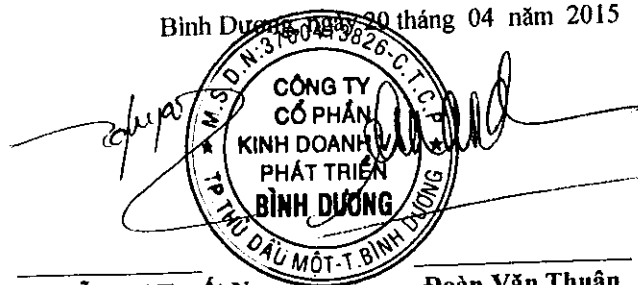
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG**  
(Theo Phương pháp Trực tiếp)  
**QUÝ I - NĂM 2015**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		209.701.058.017	346.822.466.550
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(219.069.776.993)	(182.335.306.623)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.106.410.506)	(11.794.866.508)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(15.510.696.393)	(6.205.774.606)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(27.532.269.562)	(40.578.317.766)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.599.910.337	32.364.640.280
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		126.260.198.024	(61.954.121.626)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>82.342.012.924</b>	<b>76.318.719.701</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			(2.300.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		153.974.402	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.000.000.000	2.516.087.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		178.691.698	198.540.885
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>332.666.100</b>	<b>714.627.885</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		9.416.489.287	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(96.500.799.914)	(107.137.172.907)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(87.084.310.627)</b>	<b>(107.137.172.907)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.409.631.603)</b>	<b>(30.103.825.321)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>19.207.428.717</b>	<b>40.849.301.067</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>14.797.797.114</b>	<b>10.745.475.746</b>

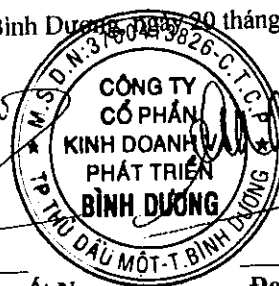
Bình Dương, ngày 30 tháng 04 năm 2015



**Huỳnh Thị Ánh Tuyết**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Tuyết Nga**  
TUQ. Kế toán trưởng



**Đoàn Văn Thuận**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I - Năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I - Năm 2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao; Lắp đặt hệ thống điện; Thoát nước và xử lý nước thải.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 Văn phòng Công ty có 258 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 270 nhân viên).

**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 theo các thông tư sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo **Thông tư số 200/2014/TT-BTC** và **Thông tư số 202/2014/TT-BTC** ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

## VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

#### 6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Văn phòng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

1138  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
KINH DOANH VÀ  
PHÁT TRIỂN  
BÌNH DƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 13 năm.

**7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**10. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

26-C.  
V  
ÁN  
NH V  
TRIE  
DUON  
10T-T

# **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Văn phòng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## **11. Chi phí trả trước dài hạn**

### ***Công cụ dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

### ***Chi phí thuê văn phòng***

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

### ***Chi phí phát hành trái phiếu***

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ trong 05 năm.

### ***Chi phí khác***

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 02 - 03 năm.

## **12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

## **13. Trợ cấp thôi việc**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

## **14. Các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập được ước tính bằng 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

## **15. Nguồn vốn kinh doanh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**16. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

**17. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được sử dụng như sau:

	<b>Mục đích</b>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**19. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.375 VND/USD  
31/03/2015 : 21.520 VND/USD

**20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

***Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng***

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

## VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **21. Tài sản tài chính**

### **Phân loại tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Văn phòng Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### **Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### **Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

4138  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
KINH DOANH  
VÀ PHÁT TRIỂN  
BÌNH DƯƠNG  
THỦ DẦU MỘT

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Văn phòng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**23. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**25. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ I NĂM 2015**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.806.109.348	1.314.409.711
Tiền gửi ngân hàng	11.491.687.766	17.393.019.006
<b>Cộng</b>	<b>14.297.797.114</b>	<b>18.707.428.717</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

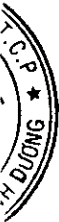
Chỉ tiêu	Cuối kỳ (31/03/2015)			Đầu năm (01/01/2015)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu: Cty cổ phần khoáng sản Becamex (433.709 cổ phiếu BMJ)	4.893.028.550		2.160.661.850	4.893.028.550		2.160.661.850
<b>CỘNG</b>	<b>4.893.028.550</b>		<b>2.160.661.850</b>	<b>4.893.028.550</b>		<b>2.160.661.850</b>

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Chỉ tiêu	Cuối kỳ (31/03/2015)		Đầu năm (01/01/2015)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chỉ tiêu	Cuối kỳ (31/03/2015)			Đầu năm (01/01/2015)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>- Đầu tư vào công ty con:</b>						
1) Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân <sup>(6)</sup>	36.000.000.000		14.523.060.621	36.000.000.000		14.523.060.621
2) Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt <sup>(6)</sup>	11.050.000.000			11.050.000.000		
3) Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex <sup>(6)</sup>	15.660.000.000			15.660.000.000		
4) Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex <sup>(6)</sup>	51.660.000.000			51.660.000.000		
<b>CỘNG</b>	<b>114.370.000.000</b>		<b>14.523.060.621</b>	<b>114.370.000.000</b>		<b>14.523.060.621</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>- Đầu tư vào công ty liên doanh</b>					
1) Công ty TNHH Sinviet <sup>(i)</sup>	2.235.910.000			2.235.910.000	
2) Trường Đại học quốc tế Miền Đông <sup>(ii)</sup>	14.400.000.000		70.217.159	14.400.000.000	70.217.159
<b>CỘNG</b>	<b>16.635.910.000</b>		<b>70.217.159</b>	<b>16.635.910.000</b>	<b>70.217.159</b>
<b>- Đầu tư vào đơn vị khác:</b>					
1) Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản <sup>(iii)</sup>	7.000.000.000		32.718.254	7.000.000.000	32.718.254
2) Công ty cổ phần dược Becamex <sup>(iv)</sup>	1.020.000.000			1.020.000.000	
3) Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước <sup>(v)</sup>	30.800.000.000			30.800.000.000	
4) Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức I <sup>(vi)</sup>	14.640.000.000			14.640.000.000	
<b>CỘNG</b>	<b>53.460.000.000</b>		<b>32.718.254</b>	<b>53.460.000.000</b>	<b>32.718.254</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701545462 thay đổi lần thứ 05 ngày 08 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân là 36.000.000.000 VND, tương đương 70,59% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701535016 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt 14.016.850.000 VND, tương đương 77,07% vốn điều lệ. Trong sáu tháng đầu năm 2014 Công ty nhận cổ tức được chia từ lợi nhuận bằng cổ phiếu - số tiền là 2.966.850.000 VND tương ứng 296.685 cổ phiếu. Sự kiện này làm cho số cổ phiếu đầu tư của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt tăng từ 1.105.000 cổ phiếu lên 1.401.685 cổ phiếu.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700877200 thay đổi lần thứ 04 ngày 07 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex là 15.660.000.000 VND, tương đương 58,00% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700945605 thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex là 51.660.000.000 VND, tương đương 81,00% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

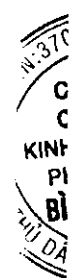
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (vii) Công ty đầu tư vào Cty CP đầu tư và kinh doanh bất động sản 7.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ.
- (viii) Công ty đầu tư vào Cty CP dược Becamex 1.020.000.000 VND, tương đương 2,48% vốn điều lệ.
- (ix) Công ty đầu tư vào Cty CP bệnh viện Mỹ Phước 30.800.000.000 VND, tương đương 17% vốn điều lệ.
- (x) Công ty đầu tư vào Cty CP bê tông ly tâm Thủ Đức 1 là 14.640.000.000 VND, tương đương 18.3% vốn điều lệ.

<b>3. Phải thu của khách hàng</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn:</b>	<b>590.577.855.860</b>	<b>557.620.676.278</b>
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:	<b>151.563.680.925</b>	-
+ CTY TNHH XD SX & TV CQC	1.222.267.925	
+ NÔNG THỊ PHÚ	1.223.860.000	
+ PHAN THỊ DỤ	1.242.700.000	
+ TRẦN THANH VŨ	1.350.440.000	
+ NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	1.496.000.000	
+ TRẦN VĂN DŨNG	1.662.080.000	
+ VŨ THU THẢO	1.692.845.000	
+ VŨ VĂN GỖ	1.710.000.000	
+ TRƯƠNG THỊ AN	1.728.265.000	
+ PHAN THỊ TUYẾT ANH	1.728.265.000	
+ HUỶNH TẤN LỢI - PHAN THỊ NGỌC THÚY	1.734.120.000	
+ PHẠM THỊ PHƯƠNG LAN	1.906.650.000	
+ TRẦN THỊ TRANG	1.952.280.000	
+ NGUYỄN THỊ LOAN	2.039.552.000	
+ HUỶNH THỊ THỦY DUNG	2.356.725.000	
+ LƯU THỊ HOÀNG LOAN	2.412.900.000	
+ NGUYỄN THỊ LOAN	2.600.170.000	
+ LƯU THỊ HOÀNG NGA	2.621.750.000	
+ TRẦN ĐỨC HẢI	2.635.480.000	
+ LÊ NGUYỄN VIỆT HÀ	2.714.880.000	
+ LÊ NGUYỄN VIỆT SƠN	2.714.880.000	
+ LÊ NGUYỄN VIỆT SƠN	2.714.880.000	
+ ĐẶNG PHƯƠNG DUNG	2.720.965.000	
+ VŨ SƠN HẢI	2.804.560.000	
+ THÁI THỨC HƯƠNG	2.979.625.000	
+ BÉ ÁI VIỆT	3.089.595.000	
+ ĐỖ THỊ THANH	3.105.330.000	
+ ĐẶNG PHƯƠNG DUNG	3.192.840.000	
+ CTY TNHH DV DU LỊCH NAM THUẬN TIỀN	3.200.000.000	
+ NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG PHONG	3.246.320.000	
+ PHAN TRUNG KỶ	3.370.320.000	
+ LÊ THỊ MINH DUNG	3.387.230.000	
+ LÊ NGUYỄN VIỆT HÀ	3.406.480.000	
+ NGUYỄN VĂN THUẬN	3.613.645.000	
+ NGUYỄN VĂN THUẬN	3.613.645.000	
+ PHẠM THỊ NHÀN	3.630.140.000	
+ NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG PHONG	3.695.200.000	
+ HỒ THU PHƯƠNG	3.827.860.000	
+ CTY TNHH XD & SXCK NGHIỆP THÀNH	3.862.320.000	



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

+ DƯƠNG PHÚ CƯỜNG	3.879.960.000	
+ NGUYỄN THỊ LOAN	3.941.721.000	
+ PHẠM THỊ NHÂN	4.079.320.000	
+ ĐÌNH THỊ KIM DUNG	4.279.360.000	
+ TRƯƠNG HUỲNH NHƯ Ý	4.376.340.000	
+ LÊ THỊ MINH DUNG	4.655.180.000	
+ NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	4.719.120.000	
+ NGUYỄN THỊ THẢO	5.180.000.000	
+ HỒ THU PHƯƠNG	5.237.400.000	
+ LÊ THỊ PHƯƠNG LOAN	5.463.280.000	
+ ĐỖ MẠNH HÙNG	5.544.935.000	
- Các khoản phải thu khách hàng khác (Bất động sản)	222.009.658.141	367.261.194.706
- Các khoản phải thu khách hàng khác (Vật tư)	217.004.516.794	190.359.481.572
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn:</b>	<b>624.988.881.127</b>	<b>689.398.717.164</b>
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:	477.048.862.370	347.376.681.968
+ CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT PHÁT	184.366.452.958	184.366.452.958
+ CTY TNHH XD DV TM TRẦN LONG	163.010.229.010	163.010.229.010
+LÊ NGUYỄN VIỆT HÀ	1.216.600.000	
+TÔ NGỌC ÁNH	1.219.680.000	
+NGUYỄN PHONG VINH	1.228.150.000	
+NGUYỄN THỊ THANH THIÊN KIM OANH	1.268.000.000	
+HỒ TẤN HÙNG	1.290.168.000	
+NGUYỄN THỊ ÁNH HOA	1.300.360.000	
+BÊ ÁI VIỆT	1.332.270.000	
+NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG PHONG	1.333.310.000	
+DU THANH CAO - ĐỖ THỊ HOÀNG OANH	1.414.080.000	
+NGUYỄN THỊ MỠ	1.423.930.000	
+CTY TNHH ĐẠI LỢI	1.430.400.000	
+TRẦN ĐỨC HẢI	1.475.520.000	
+PHẠM NGỌC TẤN	1.494.840.000	
+HUỲNH TẤN LỢI - PHAN THỊ NGỌC THÚY	1.541.440.000	
+NGUYỄN ANH BÔNG	1.630.960.902	
+TRẦN ĐĂNG KHOA	1.660.875.000	
+PHẠM NGUYỄN BÁO NGỌC	1.757.880.000	
+HỒ TẤN HÙNG	1.786.762.450	
+DƯƠNG THỊ LIÊN	1.816.020.000	
+NGUYỄN MINH THIÊN	1.829.520.000	
+NGUYỄN THỊ KIM	1.927.360.000	
+LÊ THÚY HẠNH	2.050.860.000	
+NGUYỄN MINH THÙY	2.112.840.000	
+PHẠM ANH VẤN	2.547.480.000	
+TRẦN THỊ LONG	2.575.200.000	
+VŨ MỘNG TUYẾT	2.619.840.000	
+ĐỖ VĂN HỢP	3.286.440.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

+NGUYỄN HOÀNG NAM	3.793.169.250	
+CHƯƠNG THỊ ÚT	3.890.430.000	
+NGUYỄN THỊ KIM VÂN	3.967.118.400	
+MAI THỊ LỢI	4.005.020.000	
+NGUYỄN THỊ KIM VÂN	4.048.080.000	
+ĐƯỜNG THỊ HIỀN	4.206.686.979	
+HỒ VĂN DU-NGUYỄN THỊ THÚY	4.211.841.400	
+PHẠM VĂN ĐỨC	4.218.630.000	
+NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	4.230.945.000	
+HOÀNG NGỌC TRỌNG	4.271.760.000	
+NGUYỄN THỊ HẬU	4.357.620.000	
+NGUYỄN THỊ KIM TIẾN	4.357.620.000	
+BÙI VIỆT NAM	4.357.620.000	
+HUỠNH CÔNG PHÚC	4.362.780.000	
+DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NON NƯỚC	4.628.520.000	
+NGUYỄN THANH LIÊM	4.676.000.000	
+ĐƯỜNG THỊ HIỀN	4.702.053.021	
+TRẦN THỊ LÊ HẰNG	4.838.360.000	
+PHAN THỊ KIM DUNG	5.977.140.000	
- Các khoản phải thu khách hàng khác (Bất động sản)	135.940.018.757	325.622.035.196
- Các khoản phải thu khách hàng khác (Vật tư)	12.000.000.000	16.400.000.000

<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> (chi tiết từng đối tượng)	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
+ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT BECAMEX IIC	696.477.718	700.748.391
+ CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN MỸ PHƯỚC	10.285.664.625	10.207.064.625
+ CTY LD TNHH KCN VIỆT NAM - SINGAPORE	3.278.276.802	3.278.276.802
+ CÔNG TY CP CẦU LẠC BỘ BÓNG ĐÁ BÌNH DƯƠNG	185.399.790	185.399.790
+ CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG	9.312.011	9.312.011
+ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỊCH VỤ ĐẦU TƯ	2.431.000	2.528.575
<b>CỘNG</b>	<b>14.457.561.946</b>	<b>14.383.330.194</b>

326-C.  
Y  
IN  
H VÀ  
HIỂN  
DƯƠNG  
T. BÌNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

4. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>22.582.712.276</b>		<b>15.741.300.586</b>	
+ Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	5.307.824.265		5.307.824.265	
+ Tạm ứng cho nhân viên	16.948.750.494		9.144.470.323	
+ Phải thu tiền tham quan du lịch	85.075.000		107.375.000	
+ Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	78.980.110		78.980.110	
+ Tạm ứng chờ xử lý	73.386.000		73.386.000	
+ Phải thu khác.	88.696.407		1.029.264.888	
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.388.682.808</b>		<b>6.161.080.545</b>	
+ Phải thu phí bảo trì chung cư TDC Plaza	907.620.306		1.124.852.450	
+ Ký cược, ký quỹ;	820.874.560		817.294.840	
+ Lệ phí trước bạ phải thu	1.307.266.917		866.012.230	
+ Tạm ứng vốn hoạt động (Cty Sin - Viet)	649.003.039		649.003.039	
+ Thuế GTGT đầu ra	2.290.227.184		2.290.227.184	
+ Phải thu khác.	413.690.802		413.690.802	
<b>Tổng Cộng</b>	<b>28.971.395.084</b>		<b>21.902.381.131</b>	



**5. Nợ xấu**

Cuối năm			Đầu năm		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi; (chiếm 10%):					
3.599.519.099		CTY CP TM DV - XD HOÀNG DUYÊN	3.599.519.099		CTY CP TM DV - XD HOÀNG DUYÊN
<b>3.599.519.099</b>			<b>3.599.519.099</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

6. Hàng tồn kho:	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu;	748.634.274		776.966.082	
- Công cụ, dụng cụ;			1.327.272	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;				
- Thành phẩm;				
- Hàng hóa;	494.233.846.002		490.550.114.528	
<b>CỘNG</b>	<b>494.982.480.276</b>		<b>491.328.407.882</b>	

7. Tài sản dở dang dài hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	3.747.544.974.012		3.688.908.218.132	
b. Xây dựng cơ bản dở dang	9.338.252.247		10.250.835.947	
- Mua sắm	4.608.921.182		8.614.584.818	
- XD CB	4.729.331.065		1.636.251.129	
- Sửa chữa	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>3.756.883.226.259</b>		<b>3.699.159.054.079</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

DIỄN GIẢI	NHÀ CỬA VKT 2111	MÁY MÓC THIẾT BỊ 2112	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN 2113	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ 2114	TSCĐ KHÁC	CỘNG
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	27.882.413.267	3.797.253.035	13.209.568.487	997.494.635	83.261.085	45.969.990.509
Mua sắm mới						
Đầu tư XDCB hoàn thành						
Tăng do điều chuyển nội bộ	0	0	4.536.401.774	0		4.536.401.774
Tăng khác	0	0	0	0		0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	1.430.800.000	0		1.430.800.000
Giảm do điều chuyển nội bộ						
Giảm khác						
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.882.413.267</b>	<b>3.797.253.035</b>	<b>16.315.170.261</b>	<b>997.494.635</b>	<b>83.261.085</b>	<b>49.075.592.283</b>
Trong đó :						
Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	7.826.575.848	1.454.950.050	6.358.043.577	819.252.066	83.261.085	16.542.082.626
Khấu hao trong năm	797.647.257	148.484.388	489.686.671	22.518.126		1.458.336.442
Tăng do điều chuyển nội bộ	0	0	2.245.738.446	0		2.245.738.446
Thanh lý, nhượng bán	0	0	167.202.784	0		167.202.784
Giảm do điều chuyển nội bộ						
Giảm khác						
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.624.223.105</b>	<b>1.603.434.438</b>	<b>8.926.265.910</b>	<b>841.770.192</b>	<b>83.261.085</b>	<b>20.078.954.730</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	20.055.837.419	2.342.302.985	6.851.524.910	178.242.569		29.427.907.883
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.258.190.162</b>	<b>2.193.818.597</b>	<b>7.388.904.351</b>	<b>155.724.443</b>	<b>0</b>	<b>28.996.637.553</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Diễn giải	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.629.372.000	192.320.743	7.821.692.743
Mua sắm mới			
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			
Tăng do hợp nhất kinh doanh			
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối năm	7.629.372.000	192.320.743	7.821.692.743
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.004.533.980	176.280.751	1.180.814.731
Khấu hao trong năm	38.146.860	4.010.001	42.156.861
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối năm	1.042.680.840	180.290.752	1.222.971.592
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	6.624.838.020	16.039.992	6.640.878.012
Số cuối năm	6.586.691.160	12.029.991	6.598.721.151

37004  
CÔNG  
CỔ P  
NH DO  
PHÁT  
TRÌNH  
40 MÔ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**10- Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Diễn giải	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>2.409.271.000</b>	<b>0</b>	<b>2.409.271.000</b>	<b>0</b>
Quyền sử dụng đất	2.409.271.000		2.409.271.000	0
Nhà				
Nhà và quyền sử dụng đất				
Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>1.034.751.015</b>	<b>0</b>	<b>1.034.751.015</b>	<b>0</b>
Quyền sử dụng đất	1.034.751.015		1.034.751.015	0
Nhà				
Nhà và quyền sử dụng đất				
Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>1.374.519.985</b>	<b>0</b>	<b>1.374.519.985</b>	<b>0</b>
Quyền sử dụng đất	1.374.519.985		1.374.519.985	0
Nhà				
Nhà và quyền sử dụng đất				
Cơ sở hạ tầng				

Trong quý I năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương cho khách hàng Nguyễn Đức Minh.

11. Chi phí trả trước	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.735.782.872</b>	<b>3.735.782.872</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
Chi phí đi vay	-	-
Các khoản khác	3.735.782.872	3.735.782.872
<b>b) Dài hạn</b>	<b>79.452.158</b>	<b>4.225.449.234</b>
Chi phí thuê văn phòng		142.264.454
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	79.452.158	67.758.262
Phí phát hành trái phiếu		4.004.848.486
Phí sửa chữa văn phòng bất động sản		10.578.032
Các khoản khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.815.235.030</b>	<b>7.961.232.106</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm	Giá trị
a. Vay ngắn hạn <sup>(a,b,c)</sup>	620.706.316.479		158.717.838.479	90.500.799.914		576.489.277.914
b. Vay dài hạn <sup>(i,ii)</sup>	116.971.401.471		4.046.649.550	6.000.000.000		94.924.751.921
<b>Cộng</b>	<b>737.677.717.950</b>		<b>162.764.488.029</b>	<b>96.500.799.914</b>		<b>671.414.029.835</b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình.
- (b) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại khu đô thị - Công nghiệp dịch vụ VSIP Hải phòng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng và nhân công. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải là tài sản cố định hữu hình của Công ty.
- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trị giá 556.668.000.000 VNĐ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương để mua sắm lại dự án Nhà máy sản xuất bê tông Sóng Thần 3 và Mỹ Phước 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**13. Phải trả người bán**

CHỈ TIÊU	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Gía trị	Khả năng trả nợ	Gía trị	Khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.726.281.755.463</b>		<b>1.740.600.268.357</b>	
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả;	1.325.632.088.857		1.325.632.088.857	
+ CTY CP KD & ĐT BÌNH DƯƠNG	875.334.000.000		875.334.000.000	
+ Tổng công ty Đầu tư & Phát triển công nghiệp-TNHH MTV	450.298.088.857		450.298.088.857	
- Phải trả cho các đối tượng khác	400.649.666.606		414.968.179.500	
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>891.168.482.217</b>		<b>891.168.482.217</b>	
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả;	891.168.482.217		891.168.482.217	
+CTY CP KD & ĐT BÌNH DƯƠNG	891.168.482.217		891.168.482.217	
<b>Cộng</b>	<b>2.617.450.237.680</b>		<b>2.631.768.750.574</b>	
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán:</b>	<b>1.113.518.878.764</b>		<b>1.037.790.911.591</b>	
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số quá hạn;	875.334.000.000		875.334.000.000	
+ CTY CP KD & ĐT BÌNH DƯƠNG	875.334.000.000		875.334.000.000	
- Các đối tượng khác	238.184.878.764		162.456.911.591	
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
+ Cty CP Vật Liệu Xây Dựng Becamex	845.999.550		433.884.550	
+ Cty CP Xi măng Hà Tiên – Kiên Giang Becamex	8.236.328.973		5.982.646.473	
+ Cty CP Khoáng Sản Becamex	11.648.462.558		9.490.274.410	
+ Cty CP TV ĐT XD Việt	13.157.493.585		32.345.650.264	
+ Cty CP Dược Becamex	118.453.617.548		121.453.617.548	
+ Tổng Cty ĐT và PT CN – TNHH MTV	450.298.088.857		450.298.088.857	
+ Cty CP KD và ĐT Bình Dương	1.766.502.482.217		1.766.502.482.217	
<b>CỘNG</b>	<b>2.369.142.473.288</b>		<b>2.386.506.644.319</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lộ I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế GTGT phải nộp	(844.018.953)			(844.018.953)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.673.417.899	-	(27.532.269.562)	(3.858.851.663)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	50.925.884	-	-	50.925.884
Thuế thu nhập cá nhân	(604.936.600)	91.966.875	-	(512.969.725)
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>22.275.388.230</b>	<b>101.966.875</b>	<b>(27.542.269.562)</b>	<b>(5.164.914.457)</b>
<b>b. Phải thu</b>				
- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	174.833.428.254	27.043.832.828	(25.575.491.104)	176.301.769.978
- Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	-	309.307.994	(309.307.994)	-
<b>Cộng</b>	<b>174.833.428.254</b>	<b>27.353.140.822</b>	<b>(25.884.799.098)</b>	<b>176.301.769.978</b>

**15. Chi phí phải trả**

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>61.390.126.028</b>	<b>16.262.207.546</b>
- Trích trước lãi vay tạm tính đến ngày 31/12/2014		419.601.696
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm BĐS đã bán;	14.879.944.862	14.879.944.862
- Các khoản trích trước liên quan công trình ngoài	46.510.181.166	962.660.988
<b>b) Dài hạn</b>	<b>572.599.232.438</b>	<b>575.555.765.258</b>
- Lãi trả chậm cô tức cho Becamex IDC	17.204.545.050	17.204.545.050
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm BĐS đã bán;	555.394.687.388	558.351.220.208
- Các khoản trích trước khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>633.989.358.466</b>	<b>591.817.972.804</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>16. Phải trả khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.055.719.109</b>	<b>7.633.159.312</b>
Kinh phí công đoàn;	307.535.129	211.632.644
Bảo hiểm xã hội;	386.387.825	47.673.333
Bảo hiểm y tế;	152.658.789	104.010.847
Bảo hiểm thất nghiệp;	37.918.622	18.399.787
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	-	-
Tiền đặt chỗ nhà ASXH Định Hòa	5.155.000.000	4.680.000.000
Thu tiền độ nhà ASXH Định Hòa	1.309.988.000	1.010.602.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.706.230.744	1.560.840.701
<b>b) Dài hạn</b>	<b>191.099.700.942</b>	<b>234.030.597.007</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	229.989.000	154.989.000
Tiền chi thanh lý HĐ cho khách hàng	24.065.542.007	27.124.671.144
Thu 2% phí bảo trì dự án TDC Plaza	5.717.664.463	5.664.431.391
Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	160.503.365.392	200.503.365.392
Các khoản phải trả, phải nộp khác	583.140.080	583.140.080
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>200.155.420.051</b>	<b>241.663.756.319</b>

<b>17. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Doanh thu lãi trả góp chung cư Phú Mỹ	2.471.612.042	2.678.849.264
<b>Cộng</b>	<b>2.471.612.042</b>	<b>2.678.849.264</b>

<b>18. Trái phiếu phát hành</b>	<b>Cuối kỳ</b>			<b>Đầu năm</b>		
	<b>Giá trị</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Kỳ hạn</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Kỳ hạn</b>
<i>Trái phiếu thường</i>						
- Loại phát hành theo mệnh giá	391.514.587.519	(*)	5 năm	400.000.000.000	(*)	5 năm
- Loại phát hành có chiết khấu						
- Loại phát hành có phụ trội						
<b>Cộng</b>	<b>391.514.587.519</b>			<b>400.000.000.000</b>		

(\*) Trái phiếu phát hành để thanh toán tiền mua đất khu Phú Chánh C, D cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên.

- Ngày phát hành: 27/12/2014
- Ngày đáo hạn: 27/12/2019
- Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm
- Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần
- Lãi suất: Năm đầu tiên: 12%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất (6 tháng/lần) và được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Agribank tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Tài sản Bảo đảm: là 16 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 119.296,1 m<sup>2</sup> quy hoạch xây dựng khu nhà liên kế, nhà phố thuộc dự án Khu dân cư Hòa Lợi nằm trong Khu liên hợp Công Nghiệp – Dịch vụ đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Chủ sở hữu là Tổng Công ty đầu tư và Phát triển công nghiệp – TNHH Một thành viên (Becamex IDC).

<b>19. Dự phòng phải trả ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa BĐS	328.099.969	328.099.969
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng dự án ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>328.099.969</b>	<b>328.099.969</b>

<b>20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	176.960.700	176.960.700
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
<b>Cộng</b>	<b>176.960.700</b>	<b>176.960.700</b>

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vốn góp của công ty mẹ (Becamex IDC)	607.005.000.000	607.005.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	392.995.000.000	392.995.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		139.936.771.800

**d) Cổ phiếu**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

+ Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng		
<b>đ) Cổ tức</b>		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: 10%/mệnh giá		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 10%/mệnh giá		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....		

**e) Các quỹ của doanh nghiệp:**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển:	41.869.524.647	41.869.524.647
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.		
<b>CỘNG</b>	<b>41.869.524.647</b>	<b>41.869.524.647</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ I – NĂM 2015**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	122.703.116.333	96.578.478.170
Doanh thu bán thành phẩm		2.210.280.910
Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.236.576.657	55.077.229.389
Doanh thu cung cấp dịch vụ	366.172.789	295.701.683
Doanh thu thi công xây dựng ( chi tiết như sau:)	60.262.036.870	-
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ:</i>		
+ <i>Hợp đồng 07B/HĐTCXD/2014:</i>	31.809.728.895	
+ <i>Hợp đồng 07B/HĐTCXD/2014:</i>	28.452.307.975	
- <i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập Báo cáo tài chính:</i>		
+ <i>Hợp đồng 07B/HĐTCXD/2014:</i>	31.809.728.895	
+ <i>Hợp đồng 07B/HĐTCXD/2014:</i>	28.452.307.975	
<b>CỘNG</b>	<b><u>190.567.902.649</u></b>	<b><u>154.161.690.152</u></b>
<i>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty ĐT và PT CN – TNHH MTV	71.373.249.975	5.411.113.945
- Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	11.111.213.105	5.411.113.945
- Doanh thu thi công xây dựng	60.262.036.870	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>10.711.217.671</b>	<b>102.235.582.312</b>
<i>a) Hàng bán bị trả lại:</i>		
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>		
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản</i>	10.711.217.671	102.235.582.312
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>		
- <i>Doanh thu thi công xây dựng:</i>		
<i>b) Chiết khấu thương mại:</i>		
<i>c) Giảm giá hàng bán:</i>		
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	119.166.039.664	93.197.672.982
Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã tiêu thụ	(4.780.982.471)	(54.885.504.682)
Giá vốn kinh doanh bất động sản	989.306.156	9.880.515.538
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	198.613.915	376.921.226
Giá vốn thi công xây dựng	57.786.811.917	-
<b>Cộng</b>	<b><u>173.359.789.181</u></b>	<b><u>48.569.605.064</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	140.012.500	198.540.885
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	31.171.776	1.082.515
Lãi bán các khoản đầu tư		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi bán hàng trả chậm	207.237.222	242.125.684
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Doanh thu hoạt động tài chính khác	66.299.160	281.082.986
<b>Cộng</b>	<b><u>444.720.658</u></b>	<b><u>722.832.070</u></b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	12.844.879.934	6.211.739.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán		
Chi phí lãi trả chậm cổ tức		
Lỗ do thanh lý cổ phiếu		
Chi phí khác	369.436.005	7.730.696
<b>Cộng</b>	<b><u>13.214.315.939</u></b>	<b><u>6.219.470.486</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.418.181.818	
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình		
Thành phẩm bê tông thừa		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.460.060.000	7.979.706.885
Thuế được giảm		
Thu nhập khác	12.490.433	854.545.456
<b>Cộng</b>	<b><u>2.890.732.251</u></b>	<b><u>8.834.252.341</u></b>

**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.264.207.416	136.498.557
Phạt do vi phạm hợp đồng	512.805.070	905.031.750
Chi phí khác	20.942	18.118.518
<b>Cộng</b>	<b><u>1.777.033.428</u></b>	<b><u>1.059.648.825</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

<i>a) Chi phí bán hàng</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.166.641.376	3.770.902.308
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	9.011.032	241.215.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	873.522.000	1.005.297.857
Chi phí hoa hồng môi giới		4.502.412.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.405.827.199	1.655.503.787
Chi phí khác	2.097.642.299	6.037.778.924
<b>Cộng</b>	<b><u>7.552.643.906</u></b>	<b><u>17.213.110.851</u></b>

<i>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.592.753.962	2.505.248.385
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	250.916.910	82.636.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	626.971.303	579.659.532
Thuế, phí và lệ phí	10.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.578.096	425.532.223
Chi phí khác	590.909.861	2.407.346.371
<b>Cộng</b>	<b><u>4.392.130.132</u></b>	<b><u>6.000.422.991</u></b>

<i>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		311.025.106
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
Các khoản ghi giảm khác	13.052.601	5.771.095
<b>Cộng</b>	<b><u>13.052.601</u></b>	<b><u>316.796.201</u></b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	262.771.570	1.779.399.437
Chi phí nhân công	5.872.815.338	6.662.126.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.500.493.303	1.600.671.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.729.645.153	1.818.168.635
Chi phí khác bằng tiền	2.804.910.357	13.483.649.415
<b>Cộng</b>	<b><u>12.170.635.721</u></b>	<b><u>25.344.015.011</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>(17.103.774.699)</b>	<b>(17.579.065.966)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (22%)		
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I – Năm 2015 - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- 1 - Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác :
- 2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm :
- 3 - Thông tin về các bên liên quan :
- 4 - Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận theo quy định CMKT số 28 :
- 5 - Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong BCTC của các niên độ kế toán trước):
- 6 - Thông tin về hoạt động liên tục :
- 7 - Những thông tin khác :

Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2015

Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Nga  
TUQ. Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô 1, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

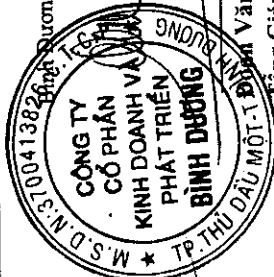
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I - Năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	41.869.524.647	132.107.259.234	1.180.458.647.535
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	86.811.728.704	86.811.728.704
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	(8.885.298.970)	(8.885.298.970)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.841.123.840</b>	<b>4.640.739.814</b>	<b>41.869.524.647</b>	<b>70.033.688.968</b>	<b>1.118.385.077.269</b>
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	41.869.524.647	70.033.688.968	1.118.385.077.269
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(17.103.774.699)	(17.103.774.699)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	-	-	-
Thu khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.841.123.840</b>	<b>4.640.739.814</b>	<b>41.869.524.647</b>	<b>52.929.914.269</b>	<b>1.101.281.302.570</b>

TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2015



*(Handwritten signature)*

Nguyễn Thị Tuyết Nga  
 Tổng Giám đốc

*(Handwritten signature)*

Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
 Người lập biểu